

Bản án số: 22/2019/DSST

Ngày 17-4-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 359/2018/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phí Thị P, sinh năm 1973; cư trú tại: Tổ 1, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Quế L (tên gọi khác là Giá), sinh năm 1987; nơi đăng ký HKTT: Tổ 7, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh và chị Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1986; nơi đăng ký HKTT: Tổ 6, ấp D, xã E, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; cùng tạm trú tại: Lô 13, ấp C, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 12 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phí Thị P trình bày: Ngày 05-8-2017, chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G đến nhà bà vay số tiền 13.000.000 đồng dùng để sinh hoạt chung giữa 02 người. Khi chị L, chị G đến vay tiền có làm giấy nợ, nhưng chỉ có mình chị L ký tên, hai bên thỏa T miêng lãi suất 4%/ tháng và hạn 06 tháng sau trả lại, nhưng từ khi vay tiền cho đến nay chị L, chị G không đóng tiền lãi và không trả được số tiền vay nào.

Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G trả cho bà số tiền vay 13.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày 05-8-2017 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Lời khai của chị Phạm Thị Quế L: Chị không nhớ thời gian nào, chị có vay của bà P số tiền 13.000.000 đồng, khi vay tiền bà P có giữ của chị 01 xe mô tô Wave, biển số 70K3-370.04, đến ngày 17-10-2017 âm lịch chị và chị G đến nhà trả cho bà P số tiền 14.300.000 đồng, trong đó trả tiền vay 13.000.000 đồng và tiền lãi 1.300.000 đồng, nhưng không có bà P ở nhà, nên chị và chị G gửi trả cho con bà P tên Hồng Thị Cẩm T1, sinh năm 1990 nhận thay, mà không yêu cầu chị T1 làm giấy nhận tiền; trước khi trả tiền cho chị T1 nhận thay, chị có điện thoại thông báo cho bà P biết, bà P đồng ý. Sau khi trả tiền xong, chị nhận lại chiếc xe mô tô Wave, biển số 70K3-370.04 đã giao cho bà P giữ khi vay tiền, nên chị không đồng ý trả số tiền 13.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà P.

Chị L thừa nhận, hiện nay chị có nợ bà P 6.000.000 đồng, không làm giấy là tiền chị thuê bà P đi trút mũ cao su phụ chị trong thời gian 03 tháng và chị đồng ý trả lại bà P 6.000.000 đồng.

Lời khai của chị Võ Thị Ngọc G: Chị thống nhất với lời trình bày của chị L, chị không bổ sung ý kiến gì thêm.

Trong phần tranh luận bà P cho rằng, lời khai của chị L, chị G tại phiên tòa không đúng với thực tế, vì số tiền vay 13.000.000 đồng chị L, chị G chưa trả cho bà; khi cho vay tiền có thỏa thuận miệng lãi suất 04%/ tháng, nhưng trong giấy nợ không thể hiện; bà không giữ chiếc xe nào khi cho vay tiền như chị L trình bày; con gái bà tên Hồng Thị Cẩm T1 không nhận số tiền gửi trả nào của chị L cho bà; do đó bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị L, chị G trả cho bà số tiền vay 13.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 01%/ tháng tính từ ngày 05-8-2017 cho đến nay là 2.652.000 đồng.

Chị L không đồng ý trả 13.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà P, vì cho rằng số tiền vay và tiền lãi tổng cộng 14.300.000 đồng chị đã trả cho bà P ngày 17-10-2017 âm lịch trực tiếp cho chị T1 con gái bà P nhận, nhưng không làm giấy nhận tiền và chị đã nhận lại chiếc xe mô tô bà P đã giữ của khi vay tiền. Hiện nay chị còn nợ 6.000.000 đồng tiền thuê bà P đi trút mũ cao su và đồng ý trả lại.

Chị G đồng ý với ý kiến tranh luận của chị L, không tranh luận gì thêm.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Với những chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện ngày 05-8-2017 chị L ký vay của bà P số tiền 13.000.000 đồng, không có chứng cứ

gì chứng minh chị L, chị G đã trả nên bà P yêu cầu chị L, chị G trả 13.000.000 đồng là có cơ sở; về tiền lãi, khi bà P cho chị L, chị G vay tiền có thỏa thuận lãi suất, nhưng không ghi vào giấy vay tiền, nên có khi tranh chấp thì tiền lãi được tính theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà P yêu cầu chị L, chị G trả tiền lãi theo mức lãi suất 01%/ tháng là vượt quá quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi của bà P đối với chị L, chị G theo mức lãi suất 0,833%/ tháng; các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Phí Thị P, chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ, đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

[2] Về nội dung: Ngày 05-8-2017, chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G đến nhà vay của bà Phí Thị P số tiền 13.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và hạn thời gian trả nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày vay, chị L là người trực tiếp ký tên và ghi họ, tên vào “Giấy mượn nợ”. Hết thời hạn thỏa thuận trả nợ, nhưng chị L, chị G không trả tiền vay cho bà P và kéo dài cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không thừa nhận chữ ký và chữ ghi họ, tên tại “Giấy mượn nợ” ngày 05-8-2017 là chữ ký, chữ viết của mình nhưng tại Kết luận giám định số 269/KL-KTHS, ngày 28-02-2019 của Phòng Kỹ T1ật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Chữ ký và chữ viết Phạm Thị Quế L tại “Giấy mượn nợ” ngày 05-8-2017 là do chị L ký và viết họ, tên của mình. Sau khi có kết luận giám định, chị L lại thừa nhận chữ ký và chữ viết họ và tên của mình khi vay của bà P 13.000.000 đồng, nhưng cho rằng nội dung giấy nợ là không đúng, vì khi vay tiền chị và chị G có thể chấp cho bà P 01 xe mô tô Wave, biển số 70K3-370.04.

Xét lời trình bày của chị L so với chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thấy rằng, ngày 05-8-2017 chị L, chị G đến nhà vay của bà P 13.000.000 đồng, giấy mượn nợ do bà P viết, chị L trực tiếp ký tên, ghi họ và tên dưới mục người mượn nợ ký; không có nội dung nào trong giấy mượn nợ thể hiện khi vay tiền phía bị đơn có giao cho bà P giữ 01 xe mô tô Wave, biển số 70K3-370.04 như chị L, chị G trình bày; giấy mượn nợ bà P cung cấp cho Tòa án không bị tẩy, xóa nên lời khai của chị L, chị G không có cơ sở.

Xét lời khai của chị L, chị G cho rằng, ngày 17-10-2017 đã trả 13.000.000 đồng cho bà P, do chị Hồng Thị Cẩm T1 là con bà P nhận thay là không có cơ sở, vì chị T1 khai tại Tòa án không quen biết chị L, chị G; không nhận số tiền 13.000.000 đồng do chị L, chị G gởi trả cho bà P; tại nhà bà P từ trước đến nay không có xe mô tô Wave, biển số 70K3-370.04; chị L, chị G không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà P yêu cầu chị L, chị G trả số tiền vay 13.000.000 đồng.

[3] Khi chị L ký “Giấy mượn nợ” ngày 05-8-2017 với bà P, không thể hiện lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng trả tiền lãi hàng tháng và hẹn trong thời gian 06 tháng trả lại tiền vay, nhưng kéo dài cho đến nay do đó bà P yêu cầu chị L, chị G trả tiền lãi từ khi vay tiền cho đến khi xét xử là có cơ sở. Xét việc bà P yêu cầu chị L, chị G trả tiền lãi theo mức lãi suất 01%/ tháng là vượt quá quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, do đó chấp nhận một phần yêu cầu về tiền lãi của bà P yêu cầu chị L, chị G theo mức lãi suất 0,833%/ tháng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Chị L, chị G có trách nhiệm trả tiền lãi cho bà P, cụ thể như sau: 13.000.000 đồng X 0,833% X 20 tháng 12 ngày (từ ngày 05-8-2017 đến ngày 17-4-2019) = 2.209.000 đồng.

Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phí Thị P. Buộc chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G có nghĩa vụ trả cho bà Phí Thị P số tiền tổng cộng 15.209.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà P yêu cầu chị L và chị G trả số tiền lãi 443.000 đồng.

[4] Về chi phí giám định số tiền 2.040.000 đồng chị L, chị G phải chịu. Ghi nhận bà P nộp và thanh toán xong, nên chị L, chị G có nghĩa vụ trả lại cho bà P.

[5] Tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm được xử lý theo quy định tại Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị P về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đối với chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G.

Buộc chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G trả cho bà Phí Thị P số tiền vay 13.000.000 đồng và tiền lãi 2.209.000 đồng. Tổng cộng 15.209.000 đồng (mười lăm triệu, hai trăm lẻ chín nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Phí Thị P yêu cầu chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G trả số tiền lãi 443.000 đồng (bốn trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **chị L, chị G chưa thi hành xong số tiền trên, thì chị L, chị G còn phải trả tiền lãi trên số tiền vay theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.**

2. Chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G có nghĩa vụ trả lại cho bà Phí Thị P tiền chi phí giám định 2.040.000 đồng (hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Quế L và chị Võ Thị Ngọc G phải chịu 760.000 đồng (bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phí Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 325.000 đồng theo biên lai thu số 0026325, ngày 18-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; bà P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 25.000 đồng (hai mươi lăm nghìn đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Vũ

